HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29 /NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày 16 tháng 12 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016 - 2020 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2018, Quyết định số 1872/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ cấp bách;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xử lý cấp bách các công trình hồ chứa nước bị hư hỏng do ảnh hưởng bão, lũ năm 2017 vá các hồ chứa nguy cơ mất an toàn cao;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-BKHĐT ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh và giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung

hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019 cho các dự án tại phụ lục 1a, 1b kèm theo Nghị quyết 71/2018/QH14;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-BKHĐT ngày 7 tháng 11 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2019;

Căn cứ Công văn số 11102/BTC-ĐT ngày 21/8/2017 của Bộ Tài chính về việc phân bổ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 07 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 nguồn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 65/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 với các nội dung như sau:

1. Nguồn vốn điều chỉnh

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh là 16.497 tỷ 485 triệu đồng, tăng 1.529 tỷ 346 triệu đồng so với kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước, trong đó: vốn ngân sách địa phương tăng 1.093 tỷ đồng và vốn ngân sách trung ương tăng 436 tỷ 346 triệu đồng *(chi tiết tại biểu tổng hợp điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020)* cụ thể như sau:

- Điều chỉnh nguồn ngân sách địa phương từ 11.828 tỷ 560 triệu đồng lên 12.921 tỷ 560 triệu đồng, tăng 1.093 tỷ đồng (tiền sử dụng đất khối tỉnh) so với Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước;

- Điều chỉnh nguồn ngân sách trung ương từ 3.139 tỷ 587 triệu đồng lên 3.575 tỷ 925 triệu đồng, tăng 436 tỷ 346 triệu đồng so với Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và thứ tự ưu tiên bố trí vốn

- Tuân thủ Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 và Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày

13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về ban hành, sửa đổi việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

- Ưu tiên phân bổ vốn đầu tư cho các công trình giao thông mang tính liên kết, kết nối vùng, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

- Bố trí vốn cho các dự án cấp bách, các nhu cầu mới phát sinh đã có ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy.

3. Phương án phân bổ

Tổng vốn đầu tư công phân bổ cho kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 của tỉnh là 16.497 tỷ 485 triệu đồng, bao gồm:

3.1. Vốn ngân sách địa phương: 12.921 tỷ 560 triệu đồng.

Trong đó:

a) Trả nợ: 680 tỷ 150 triệu đồng.

- Trả nợ xây dựng cơ bản: 53 tỷ 200 triệu đồng.
- Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011 - 2015: 406 tỷ 950 triệu đồng.
- Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương: 220 tỷ đồng.

b) Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố: 4.896 tỷ đồng.

- Vốn cân đối theo tiêu chí: 1.196 tỷ đồng.
- Tiền sử dụng đất: 3.700 tỷ đồng.

c) Dự án chuyển tiếp: 993 tỷ 860 triệu đồng.

d) Dự án khởi công mới: 6.328 tỷ 350 triệu đồng.

3.2. Vốn Ngân sách Trung ương: 3.575 tỷ 925 triệu đồng.

Trong đó:

a) Vốn trong nước: 3.233 tỷ 647 triệu đồng.

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 532 tỷ 856 triệu đồng.

+ Chương trình nông thôn mới: 430 tỷ 600 triệu đồng.

+ Chương trình giảm nghèo bền vững: 102 tỷ 256 triệu đồng.

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ: 67 tỷ 931 triệu đồng.

- Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ: 11 tỷ 790 triệu đồng.

- Vốn các chương trình mục tiêu: 1.718 tỷ 070 triệu đồng.
- Vốn trái phiếu Chính phủ: 760 tỷ đồng.
- Hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương : 143 tỷ đồng.

b) Vốn nước ngoài: 342 tỷ 278 triệu đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp, biểu số I, số II, số III và phụ lục I.1)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Trần Ngọc Trai

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- TTTU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn trung hạn 2016 - 2020 (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 và Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019 của HĐND tỉnh)			Kế hoạch điều chỉnh			Chênh lệch		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm	
			Phân bổ chi tiết	Dự phòng		Phân bổ chi tiết	Dự phòng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số	**14.968.147**	**14.654.188**	**313.959**	**16.497.485**	**16.487.485**	**10.000**	**1.529.346**	-	
I	**Vốn ngân sách địa phương**	**11.828.560**	**11.828.560**	-	**12.921.560**	**12.921.560**	-	**1.093.000**	-	Chi tiết biểu số I
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	2.652.000	2.652.000		2.652.000	2.652.000				
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	6.000.000	6.000.000	-	7.093.000	7.093.000	-	1.093.000		
	Trong đó:									
-	Khối tỉnh	2.300.000	2.300.000		3.393.000	3.393.000		1.093.000		
-	Khối huyện	3.700.000	3.700.000		3.700.000	3.700.000				
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.237.000	2.237.000		2.237.000	2.237.000				
4	Vượt thu 2015 chuyển sang	83.560	83.560		83.560	83.560				
5	Tiền thuê đất thanh toán dự án BT đường Minh Hưng-Đồng Nơ	194.000	194.000		194.000	194.000				
6	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	83.000	83.000		83.000	83.000				
7	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	579.000	579.000		579.000	579.000				
II	**Vốn ngân sách trung ương**	**3.139.587**	**2.825.628**	**313.959**	**3.575.925**	**3.565.925**	**10.000**	**436.346**	-	
1	**Vốn trong nước**	**2.972.991**	**2.675.692**	**297.299**	**3.233.647**	**3.223.647**	**10.000**	**260.664**	-	Chi tiết biểu số II
a	Chương trình mục tiêu quốc gia	483.123	434.811	48.312	532.856	532.856	-	49.733	-	
	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	386.600	347.940	38.660	430.600	430.600		44.000		
	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	96.523	86.871	9.652	102.256	102.256		5.733		

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn trung hạn 2016 - 2020 (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 và Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019 của HĐND tỉnh)			Kế hoạch điều chỉnh			Chênh lệch		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm	
			Phân bổ chi tiết	Dự phòng		Phân bổ chi tiết	Dự phòng			
b	Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg				67.931	67.931		67.931		
c	Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ	11.790	10.611	1.179	11.790	11.790		-		
d	Các chương trình mục tiêu	1.718.078	1.546.270	171.808	1.718.070	1.718.070				
e	Vốn trái phiếu Chính phủ	760.000	684.000	76.000	760.000	750.000	10.000	-		
f	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW				143.000	143.000		143.000		
2	**Vốn nước ngoài**	**166.596**	**149.936**	**16.660**	**342.278**	**342.278**		**175.682**		Chi tiết biểu số III

Biểu số I

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
	TỔNG SỐ	**11.828.560**	**12.921.560**	**2.652.000**	**7.093.000**	**2.237.000**	**83.560**	**194.000**	**83.000**	**579.000**	
	DỰ PHÒNG	-	-								
	PHÂN BỔ CHI TIẾT	**11.828.560**	**12.921.560**	**2.652.000**	**7.093.000**	**2.237.000**	**83.560**	**194.000**	**83.000**	**579.000**	
A	**TRẢ NỢ**	**680.150**	**680.150**	**626.950**	-	**53.200**	-		-		
I	**Trả nợ XDCB**	**53.200**	**53.200**			**53.200**					
II	**Trả nợ vay tín dụng ưu đãi**	**406.950**	**406.950**	**406.950**	-	-	-		-		Kèm theo PL I.1
1	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015	406.950	406.950	406.950							
2	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2016-2020	-	-								
III	**Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương**	**220.000**	**220.000**	**220.000**							
B	**VỐN PHÂN CẤP HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ**	**4.896.000**	**4.896.000**	**1.196.000**	**3.700.000**	-	-		-		
1	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	1.196.000	1.196.000	1.196.000							
2	Tiền sử dụng đất khối huyện , thị, thành phố	3.700.000	3.700.000		3.700.000						
	Trong đó đầu tư xây dựng NTM tối thiểu 30%	900.000	900.000		900.000						
C	**DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP**	**888.660**	**993.860**	**130.200**	**183.700**	**485.960**	-	**194.000**	-	-	
I	**Đối ứng dự án PPP**	**194.000**	**194.000**	-	-	-	-	**194.000**	-		
	Thanh toán dự án BT đường Minh Hưng – Đồng Nơ	194.000	194.000					194.000			Sở Tài chính Ghi thu-ghi chi
II	**Đối ứng các dự án ODA**	**38.556**	**38.556**	-	-	**38.556**	-		-		
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ ngày đêm	19.710	19.710			19.710					Công ty cổ phần cấp thoát nước
2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m3/ ngày đêm	18.846	18.846			18.846					Công ty cổ phần cấp thoát nước
III	**Nông nghiệp-Nông thôn**	**10.850**	**10.850**	**6.350**	-	**4.500**	-		-		
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước (Vốn đối ứng với NSTW)	6.350	6.350	6.350							Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
2	Đường tuần tra phía Đông Nam, vườn QG Bù Gia Mập thuộc dự án bảo vệ rừng giai đoạn 2012-2015	4.500	4.500			4.500					Vườn QG Bù Gia Mập
IV	**Công nghiệp**	**20.000**	**20.000**	**20.000**	-	-	-		-		
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đối ứng NSTW)	20.000	20.000	20.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
V	**Thủy Lợi**	**3.700**	**3.700**	-	**3.700**	-	-		-		
1	Hồ chứa nước Sơn Lợi	1.700	1.700		1.700						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Hệ thống kênh nội đồng thuộc công trình hồ chứa nước Đồng Xoài	2.000	2.000		2.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
VI	**Y tế**	**67.184**	**67.184**	-	-	**67.184**	-		-		
1	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập (ngân sách tỉnh đối ứng)	6.184	6.184			6.184					UBND huyện Bù Gia Mập
2	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập (Đối ứng NSTW)	3.000	3.000			3.000					UBND huyện Bù Gia Mập
3	Bệnh viện Đa khoa Bù Gia Mập (giai đoạn 2)	7.000	7.000			7.000					UBND huyện Bù Gia Mập
4	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	14.000	14.000			14.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC; cải tạo mái tôn khoa dược, khoa lão, khoa cán bộ cao cấp; Sơn tường, chống thấm sê nô hành lang cầu nối Bệnh viện đa khoa tỉnh	2.000	2.000			2.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
6	Bệnh viện đa khoa huyện Hớn Quản	35.000	35.000			35.000					UBND huyện Hớn Quản
VII	**Giáo dục - Đào tạo**	**232.100**	**232.100**	**-**	**-**	**232.100**	**-**		**-**		
1	Trường mẫu giáo Đức Phong, huyện Bù Đăng	14.400	14.400			14.400					UBND huyện Bù Đăng
2	Trường mầm non Tân Tiến, huyện Đồng Phú	15.000	15.000			15.000					UBND huyện Đồng Phú
3	Trường mầm non Hoa Lan, xã Tiến Hưng Đồng Xoài	5.000	5.000			5.000					UBND TP Đồng Xoài
4	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh	52.000	52.000			52.000					UBND huyện Lộc Ninh
5	Trường mầm non Tuổi Thơ, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	28.000	28.000			28.000					UBND huyện Chơn Thành
6	Trường MN An Khương, xã An Khương huyện Hớn Quản	9.000	9.000			9.000					UBND huyện Hớn Quản
7	Khối nhà học trường chính trị tỉnh	1.000	1.000			1.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
8	Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	20.000	20.000			20.000					Sở GDĐT
9	10 phòng học lầu Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	3.200	3.200			3.200					Sở GDĐT
10	12 phòng học và hạ tầng kỹ thuật trường THPT Nguyễn Du	5.000	5.000			5.000					Sở GDĐT

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
11	Trường THPT Đa Kia huyện Bù Gia Mập	20.000	20.000			20.000					Sở GDĐT
12	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	35.000	35.000			35.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
13	Nhà tập đa năng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đăng	7.500	7.500			7.500					Sở GDĐT
14	Trường dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập	17.000	17.000			17.000					Sở GDĐT
VIII	**Văn hóa - Xã hội**	**68.200**	**68.200**	**-**	**10.000**	**58.200**	**-**		**-**		
1	Tu bổ tôn tạo di tích mộ tập thể 3000 người tại TX. Bình Long	15.500	15.500		10.000	5.500					UBND TX Bình Long
2	Bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ xây dựng Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng sok Bom Bo	10.000	10.000			10.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Hệ thống hạ tầng giao thông, hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc khu du lịch và bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng - Sóc Bom Bo (NS tỉnh đối ứng)	12.500	12.500			12.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Trung tâm Văn hóa tỉnh	22.800	22.800			22.800					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Hạ tầng kỹ thuật (phần còn lại) Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	2.400	2.400			2.400					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
6	Trung tâm văn hoá thể thao công đoàn tỉnh Bình Phước (vốn đối ứng NS tỉnh)	5.000	5.000			5.000					Liên đoàn lao động tỉnh
IX	**Giao thông - Hạ tầng đô thị**	**85.800**	**85.800**	**-**	**24.800**	**61.000**	**-**		**-**		
1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn quản (đối ứng ngân sách TW)	12.200	12.200			12.200					UBND huyện Hớn Quản
2	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	6.800	6.800			6.800					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương thị xã Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua huyện Lộc Ninh	26.000	26.000			26.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Láng nhựa đường Đoàn Thị Điểm nối dài thị xã Bình Long	7.000	7.000			7.000					UBND TX Bình Long
5	Đường trục chính từ ĐT 741 đến KCN Đồng Xoài III và IV, xã Tiến Hưng, Đồng Xoài	9.000	9.000			9.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	02 cầu tại Km0+789 và Km1+102 đường từ ngã ba Xa Trạch xã Thanh Bình đến trung tâm xã Phước An, huyện Hớn Quản	7.300	7.300		7.300						UBND huyện Hớn Quản
7	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản	17.500	17.500		17.500						UBND huyện Hớn Quản
X	**Quản lý Nhà nước**	**18.920**	**18.920**	**-**	**-**	**18.920**	**-**		**-**		
1	Trụ sở trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư	8.500	8.500			8.500					Trung tâm XTĐT TM&DL
2	Trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất	2.240	2.240			2.240					Trung tâm phát triển quỹ đất

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh									Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó								
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước		
3	Trụ sở Đảng ủy khối doanh nghiệp	2.400	2.400			2.400						Đảng ủy khối doanh nghiệp
4	Nhà làm việc khối đoàn thể huyện Hớn Quản	5.780	5.780			5.780						UBND huyện Hớn Quản
XI	**Quốc phòng - An ninh**	**5.500**	**5.500**	**-**	**-**	**5.500**	**-**		**-**			
1	Doanh trại đội K72 (giai đoạn 2)	5.500	5.500			5.500						Bộ chỉ huy QS tỉnh
XII	**Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam -Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)**	**37.500**	**37.500**	**37.500**								15 xã biên giới thuộc 3 huyện Lộc Ninh 7 xã; Bù Đốp 6 xã; Bù Gia Mập 2 xã
XIII	**Chương trình hỗ trợ đồng bào DTTS theo Quyết định số 755/QĐ-TTg và Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2019-2020**	**46.700**	**121.900**	**46.700**	**75.200**							UBND các huyện, thị
XIV	**Thanh toán các công trình đã quyết toán**	**59.650**	**89.650**	**19.650**	**70.000**							
D	**DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI**	**5.353.750**	**6.328.350**	**675.650**	**3.209.300**	**1.697.840**	**83.560**		**83.000**	**579.000**		
I	**Đối ứng các dự án ODA**	**51.500**	**51.500**	**-**	**15.900**	**35.600**	**-**		**-**			
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	25.000	25.000			25.000						Sở KH&ĐT; Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	5.400	5.400		5.400							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Các dự án hệ thống xử lý nước thải bệnh viện trên địa bàn tỉnh	5.300	5.300			5.300						Sở Y tế

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
4	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018-2020 - Vốn ODA do EU tài trợ (đối ứng NS tỉnh)	10.500	10.500		10.500						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông giai đoạn 2	5.300	5.300			5.300					Sở GDĐT
II	**Nông nghiệp-Nông thôn**	**719.450**	**1.194.250**	**20.000**	**911.550**	**252.700**	**10.000**		**-**		
1	Hạ tầng các xã nông thôn mới và trả nợ mua xi măng ứng trước	551.000	756.000	20.000	502.300	223.700	10.000				
2	Hỗ trợ xây dựng đường giao thông nông thôn		283.000		283.000						
3	Trồng rừng thay thế cho diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng sang thực hiện dự án ĐCĐC cho đồng bào DTTS huyện Bù Đăng	6.916	6.916		6.916						Hạt kiểm lâm Bù Đốp
4	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	22.484	22.484		4.484	18.000					Chi cục kiểm lâm
5	Hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ)	13.200	-								Giao Sở NN&PTNT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết
6	Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo QĐ 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng CP)	6.000	6.000		6.000						Liên minh Hợp tác xã
7	GPMB (thanh lý cao su) chi trả cho Tập đoàn cao su	119.850	119.850		108.850	11.000					Ban QLKKT
III	**Thủy Lợi**	**9.000**	**9.000**	**-**	**9.000**	**-**	**-**		**-**		

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
1	Mương thoát nước ấp 7 xã Minh Hưng (ngoài hàng rào KCN Minh Hưng) Chơn Thành	9.000	9.000		9.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
IV	Công nghiệp	265.800	295.800	14.900	213.200	55.000	12.700				
1	Đường điện vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	1.700	1.700				1.700				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Mương cống thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài II	8.000	8.000		8.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	11.000	11.000				11.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước	44.000	44.000		44.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Xây dựng các tuyến đường số 2, 3, 4, 5, 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài 1 (hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải)	32.400	32.400		32.400						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	Nối dài hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Hàn Quốc	8.800	8.800		8.800						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
7	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	40.000	40.000			40.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
8	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	80.000	80.000		80.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
9	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng Sikiko	15.000	15.000			15.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
10	Xây dựng hệ thống cống thoát nước thải, thoát nước mưa KCN Chơn Thành II		15.000		15.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
11	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài I		15.000		15.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
12	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Tân Khai II	14.900	14.900	14.900							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
13	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Đồng Xoài 3	10.000	10.000		10.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
V	**Giao Thông-hạ tầng đô thị**	**2.709.490**	**3.124.490**	**540.750**	**1.761.050**	**202.830**	**40.860**	**-**	**-**	**579.000**	
1	Vốn góp dự án xây dựng cầu Sài gòn nối hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh	16.000	16.000	3.000		13.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông
2	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	30.000	30.000			30.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	140.000	140.000							140.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Dự án Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh (NSĐP đối ứng)	25.000	25.000		25.000						UBND huyện Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
5	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng (NSĐP đối ứng)	14.000	14.000		14.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng (NSĐP đối ứng)	3.000	3.000		3.000						UBND huyện Phú Riềng
7	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (NSĐP đối ứng)	11.000	11.000		11.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
8	Đường D10 thuộc khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	1.500	1.500			1.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
9	Đường Bùi Thị Xuân thuộc khu dân cư Phú Thịnh, P. Tân Phú, TX Đồng Xoài	1.000	1.000			1.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
10	Vỉa hè đường Quốc lộ 14 (đoạn từ đường Phan Bội Châu đến đường Nguyễn Huệ) thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	14.000	14.000	14.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
11	Đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến KCN Bắc Đồng Phú	13.500	13.500	10.000	3.500						UBND huyện Đồng Phú
12	Đường liên xã Bù Nho-Long Tân, huyện Phú Riềng	14.000	14.000			9.000	5.000				UBND huyện Phú Riềng
13	Đường liên xã Thuận Lợi-Thuận Phú, huyện Đồng Phú	25.000	25.000			15.000	10.000				UBND huyện Đồng Phú
14	Đường liên xã Minh Thành đi An Long, huyện Chơn Thành	24.000	24.000		19.000		5.000				UBND huyện Chơn Thành
15	Đường giao thông liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái huyện Lộc Ninh	9.000	9.000			4.000	5.000				UBND huyện Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
16	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản	28.000	28.000			22.140	5.860				UBND huyện Hớn Quản
17	Đường từ Quốc lộ 13 vào Trường Cao đẳng nghề Bình Phước	9.890	9.890			9.890					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
18	Xử lý sạt lở, đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn Km 16+000 đến km 21+369 đương Sao Bọng - Đăng Hà	30.000	30.000		30.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
19	Đường vào ấp Bưng Sê (đoạn từ QL 14 đến cầu Thuận Phú) thị xã Đồng Xoài.	8.100	8.100		8.100						UBND TP Đồng Xoài
20	Đường từ ĐT 741 đến đội 6, Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	10.800	10.800		10.800						UBND huyện Bù Gia Mập
21	Đường giao thông từ ngã ba Cây Cầy ấp Sóc Bế đi Sốc Bưng, xã Thanh Phú, Bình Long	6.900	6.900		6.900						UBND TX Bình Long
22	Đường từ xã An Khương - Trà Thanh-Thanh An huyện Hớn Quản	18.000	18.000		18.000						UBND huyện Hớn Quản
23	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình huyện Phú Riềng	10.000	10.000		10.000						UBND huyện Phú Riềng
24	Đường liên xã Tân Quan - Nha Bích, huyện Hớn Quản	9.000	9.000			9.000					UBND huyện Hớn Quản
25	Đường vào Thác Đứng, xã Đoàn kết, huyện Bù Đăng.	12.000	12.000		12.000						UBND huyện Bù Đăng
26	Cầu bắc qua Sông Bé trên ĐT 760 nối dài	23.250	23.250	23.250							UBND huyện Bù Gia Mập
27	Đường GTNT Bom Bo-Đak Nhau	45.000	45.000		45.000						UBND huyện Bù Đăng
28	Nâng cấp đường Lộc Tấn -Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn từ Km 8+000 đến Km 10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	53.000	53.000	53.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
29	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	72.000	72.000		72.000						UBND TX Bình Long
30	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe mới đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp (3km)	60.000	60.000		60.000						UBND huyện Bù Đốp
31	Cầu Long Tân đi Phú Riềng huyện Phú Riềng	11.000	11.000	6.000	5.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
32	Đường D6 Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	12.300	12.300			7.300	5.000				UBND huyện Phú Riềng
33	Láng nhựa đường ALT1 từ đường Ngô Quyền đến cầu cây Sung thị xã Bình Long	8.000	8.000			8.000					UBND thị xã Bình Long
34	Láng nhựa đường từ ngã 3 Phước Lộc đi bến đò xã Phước Tín, TX Phước Long	11.750	11.750		11.750						UBND thị xã Phước Long
	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	123.800	57.200		57.200						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
36	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân , huyện Phú Riềng	80.000	80.000	80.000							UBND huyện Phú Riềng
37	Đường vào khu nhà ở xã hội xã Tiến Hưng TX Đồng Xoài	15.000	15.000	15.000							UBND TP Đồng Xoài
38	Kè và hệ thống đường, điện chiếu sáng hai bên suối Đồng Tiền và suối Tầm Vông	150.000	150.000	107.300	42.700						UBND TP Đồng Xoài
39	Hỗ trợ đầu tư đường tuần tra biên giới Chiu Riu - Tà Nốt và đường từ QL 13 vào nhà văn hóa huyện Lộc Ninh	4.000	4.000		4.000						UBND huyện Lộc Ninh
40	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường khu Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	50.000	50.000		50.000						UBND huyện Phú Riềng
41	Bổ sung cho huyện Bù Đốp xây dựng các công trình giao thông	5.000	5.000				5.000				UBND huyện Bù Đốp
42	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài kết nối ĐT741 với QL14 (vốn NSĐP đối ứng)	18.020	18.020		18.020						UBND TP Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
43	Dự án BT hoàn thiện các tuyến đường khu phố Phú Thanh, P. Tân Phú, TX Đồng Xoài	27.130	27.130		27.130						Cty Cp bất động sản Thành Phương
44	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Phước Minh - Đa Kia huyện Bù Gia Mập	84.600	84.600	84.600							UBND huyện Bù Gia Mập
45	Dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn trung tâm xã Thiện Hưng đi trung tâm xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	60.300	60.300	60.300							UBND huyện Bù Gia Mập
46	Dự án xây dựng ký túc xá Trường chính trị tỉnh	120.000	120.000	10.000	83.000	27.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
47	Đầu tư trang thiết bị ký túc xá và 6 phòng học trường chính trị tỉnh	60.000	60.000		12.000					48.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
48	Đường và cầu từ ĐT 759 đến trung tâm xã Phước Minh huyện Bù Gia Mập	13.500	13.500	13.500							UBND huyện Bù Gia Mập
49	Đường Trần Hưng Đạo nối dài (đoạn từ đường Trần Phú đến đường Hai Bà Trưng) Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài	13.800	13.800	13.800							UBND TP Đồng Xoài
50	Xây dựng đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến Khu công nghiệp Đồng Xoài III, thị xã Đồng Xoài;	27.000	27.000	27.000							UBND TP Đồng Xoài
51	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi 03 ấp Phước Tiến, Nam Đô đến Ngã ba ấp Sắc Xi, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	21.500	21.500		21.500						UBND huyện Đồng Phú
52	Xây dựng vỉa hè, cây xanh và hệ thống thoát nước thải đường Nguyễn Huệ thành phố Đồng Xoài	20.000	20.000	20.000							UBND TP Đồng Xoài
53	Thi công đấu nối hạ tầng Khu dân cư Phú Thịnh (giai đoạn 1) phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	4.600	4.600		4.600						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
54	Hỗ trợ cho thị xã Đồng Xoài GPMB công trình xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	130.000	130.000		130.000						UBND TP Đồng Xoài
55	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phú Thịnh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (giai đoạn 1)	46.000	46.000			46.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
56	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	200.000	160.000		160.000						UBND huyện Lộc Ninh
57	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nội ô thị xã Đồng Xoài	100.000	200.000		200.000						UBND TP Đồng Xoài
58	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nội ô thị trấn Chơn Thành huyện Chơn Thành		120.000		120.000						UBND huyện Chơn Thành
59	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	150.000	110.000		110.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
60	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mẹ đến QL14C	80.000	80.000							80.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
61	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	100.000	100.000							100.000	UBND huyện Bù Đốp
62	Nâng cấp mở rộng đường Minh Hưng - Minh Thạnh, huyện Chơn Thành	54.000	54.000							54.000	UBND huyện Chơn Thành
63	xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản		30.000		30.000						UBND huyện Phú Riềng
64	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	121.250	121.250		14.250					107.000	UBND huyện Chơn Thành

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
65	Dự án đường giao thông phía tây QL 13 kết nối Chơn Thành – Hoa Lư	50.000	160.000		110.000					50.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
66	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài (NSDP đối ứng)		48.000		48.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
68	Tỉnh hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm huyện		100.000		100.000						UBND huyện Đồng Phú
69	Xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tôn Đức Thắng) TP. Đồng Xoài		18.600		18.600						UBND TP Đồng Xoài
70	Nâng cấp đường xã Đồng Tâm đi xã Thuận phú huyện Đồng Phú		35.000		35.000						UBND huyện Đồng Phú
VI	**Y tế**	**127.810**	**127.810**	**-**	**5.500**	**122.310**	**-**		**-**		
1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh (đối ứng NSTW)	25.910	25.910			25.910					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Phú từ 50 giường lên 80 giường	22.500	22.500			22.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Nâng cấp bệnh viện huyện Chơn Thành từ 70 giường lên 100 giường	22.500	22.500			22.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
4	Mua sắm, lắp đặt trang bị máy phát điện dự phòng công suất 313KVA Bệnh viện đa khoa tỉnh	1.400	1.400			1.400					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Ký túc xá học sinh, nhà tập thể thao và hạ tầng kỹ thuật Trường Trung cấp y tế	25.000	25.000			25.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
6	Nhà làm việc các khoa và bộ môn khối thực hành và thư viện Trường Trung cấp y tế	25.000	25.000			25.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
7	Xây dựng khu điều dưỡng và phục hồi chức năng của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy	5.500	5.500		5.500						Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy
VII	**Giáo dục -Đào tạo**	**806.200**	**846.200**	**-**	**3.000**	**760.200**	**-**		**83.000**		
1	Trường mẫu giáo Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Lộc Ninh
2	Trường mẫu giáo Đức Liễu, huyện Bù Đăng	20.000	20.000			20.000					UBND huyện Bù Đăng
3	Trường mẫu giáo Phước Tín TX. Phước Long	20.000	20.000			20.000					UBND TX Phước Long
4	Trường mầm non thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành	20.000	20.000			20.000					UBND huyện Chơn Thành
5	Trường mầm non Họa Mi, thị xã Đồng Xoài (giai đoạn 2)	20.000	20.000			20.000					UBND TP Đồng Xoài
6	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Đồng Phú
7	Trường Mầm non xã Bù Nho, huyện Phú Riềng	19.300	19.300			19.300					UBND huyện Phú Riềng
8	Trường MN Long Phú, huyện Phú Riềng	32.000	32.000			32.000					UBND huyện Phú Riềng

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
9	Trường cấp II, III Long Phú, huyện Phú Riềng	35.000	35.000			35.000					UBND huyện Phú Riềng
10	Trường mẫu giáo Thanh Lương TX. Bình Long	18.000	18.000			18.000					UBND TX Bình Long
11	Trường mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	18.000	18.000		3.000	12.000			3.000		UBND huyện Bù Gia Mập
12	Trường mẫu giáo Tân Tiến huyện Bù Đốp	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Bù Đốp
13	Trường tiểu học Trương Định huyện Bù Gia Mập	21.500	21.500			21.500					UBND huyện Bù Gia Mập
14	Trường tiểu học Bình Thắng B huyện Bù Gia Mập	4.500	4.500			4.500					UBND huyện Bù Gia Mập
15	Trường tiểu học Thanh Bình, huyện Hớn Quản	6.500	6.500			6.500					UBND huyện Hớn Quản
16	Trường tiểu học Tân Khai A huyện Hớn Quản	25.200	25.200			25.200					UBND huyện Hớn Quản
17	Trường Tiểu học Thiện Hưng C, huyện Bù Đốp	13.500	13.500			13.500					UBND huyện Bù Đốp
18	Trường THCS Đắk Ơ huyện Bù Gia Mập	4.500	4.500			4.500					UBND huyện Bù Gia Mập
19	Trường THCS Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	9.000	9.000			9.000					UBND huyện Bù Gia Mập
20	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chơn Thành	43.000	43.000			43.000					UBND huyện Chơn Thành
21	Trường THPT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	54.000	54.000			54.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
22	Mua sắm thiết bị phòng học phòng bộ môn một số trường học trên địa bàn tỉnh	9.900	9.900			9.900					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
23	Mở rộng Ký túc xá cho học sinh PTDTNT tỉnh	5.400	5.400			5.400					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
24	Thiết bị thí nghiệm Lý, Hóa Sinh cho các trường THPT toàn tỉnh	9.000	9.000			9.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
25	Trường THPT Thanh hòa huyện Bù Đốp	40.400	40.400			40.400					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
26	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế	13.200	13.200			13.200					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
27	Thiết bị thí nghiệm trường chuyên Bình Long	3.000	3.000			3.000					UBND TX Bình Long
28	Nâng cấp, sửa chữa nhà hiệu bộ, khu giảng đường và xây mới cơ sở mầm non thực hành và hội trường Trường CĐSP tỉnh	13.500	13.500			13.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
29	Nhà tập đa năng Trường THPT chuyên Quang Trung	5.800	5.800			5.800					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
30	Hồ bơi, Sân bóng đá mini Trường THPT chuyên Quang Trung	9.000	9.000			9.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
31	Hồ bơi Trường THPT chuyên Bình Long, thị xã Bình Long	9.000	9.000			9.000					UBND TX Bình Long

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
32	Trường tiểu học xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú	12.600	12.600			12.600					UBND huyện Đồng Phú
33	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước	90.000	90.000			90.000					UBND huyện Đồng Phú
34	Trường Mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	31.400	31.400			31.400					UBND huyện Chơn Thành
35	Khối phòng học cấp II tại Trường Tiểu học Bom Bo	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Bù Đăng
36	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	18.000	18.000			18.000					UBND huyện Đồng Phú
37	Xây dựng trường nghề tại khu công nghiệp Becamex Bình Phước		40.000			40.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
38	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước	80.000	80.000						80.000		UBND huyện Bù Gia Mập
VIII	**Văn hóa - Xã hội**	**362.500**	**382.300**	**40.000**	**170.800**	**151.500**	**20.000**	**-**	**-**		
1	Kè và nạo vét hồ Suối Cam	95.000	95.000		95.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	xây dựng kè đá và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng		30.000		30.000						UBND huyện Phú Riềng
3	Khu di tích lịch sử nhà tù Bà Rá và tưởng niệm nữ tướng Nguyễn Thị Định	13.500	13.500			13.500					UBND TX Phước Long
4	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Hớn Quản	22.000	11.000			11.000					UBND huyện Hớn Quản
5	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú	22.000	22.000			22.000					UBND huyện Đồng Phú
6	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Chơn Thành	22.000	22.000			22.000					UBND huyện Chơn Thành
7	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Phú Riềng	22.000	11.000			11.000					UBND huyện Phú Riềng

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
8	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	22.000	22.000			22.000					UBND huyện Bù Gia Mập
9	Hệ thống hạ tầng, sân vườn, đường nội bộ và hệ thống điện, nước thuộc khu di tích lịch sử và khu du lịch sinh thái Bộ chỉ huy miền Tà Thiết (B2)	15.000	15.000				15.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
10	Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh truyền hình Bình Phước	5.000	5.000				5.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
11	Hỗ trợ kinh phí di dời và GPMB vùng lõi khu di tích Bộ chỉ huy miền Tà Thiết	20.000	20.000		20.000						UBND huyện Lộc Ninh
12	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ chỉ huy miền Tà Thiết (giai đoạn 2).	14.200	14.200	9.200		5.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
13	Xây dựng đường giao thông và công viên Khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết	8.200	8.200	8.200							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
14	Tràn xả lũ kết hợp cầu giao thông nội bộ và cống xả bùn cát tại Di tích căn cứ Bộ Chỉ huy quân giải phóng miền Nam Việt Nam 1972-1975	4.800	4.800	4.800							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
15	Xây dựng hàng rào hai bên đường từ ngã ba Đồng Tâm đến cây xăng Ngọc Ánh	17.800	17.800	17.800							Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
16	Bãi đậu xe, sân vườn và đường nội bộ khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết	14.000	14.000		14.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
17	Hàng rào Khu căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết	45.000	45.000			45.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
18	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh		11.800		11.800						Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
IX	**Khoa học - công nghệ**	**51.500**	**51.500**	**-**	**-**	**51.500**	**-**		**-**		
1	Trại thực nghiệm khoa học và công nghệ	18.000	18.000			18.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Nhà trưng bày và phòng chức năng tại vườn sưu tập thực vật tỉnh Bình Phước	11.500	11.500			11.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
3	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật đo lường và thử nghiệm	19.000	19.000			19.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Đầu tư trang thiết bị mô hình bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch	2.000	2.000			2.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	1.000	1.000			1.000					Văn phòng Tỉnh ủy
X	**Quản lý Nhà nước**	**30.700**	**30.700**	**-**	**7.000**	**23.700**	**-**		**-**		
1	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng trụ sở Làm việc Sở Ngoại vụ	3.000	3.000			3.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
2	Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bình Phước (Đối ứng NSTW)	3.600	3.600			3.600					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
3	Văn phòng Trung tâm khai thác hạ tầng Khu công nghiệp	1.600	1.600			1.600					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
4	Trụ sở làm việc trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân tỉnh Bình Phước	9.500	9.500			9.500					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước
5	Sửa chữa Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước	7.000	7.000		7.000						Sở Xây dựng
6	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban tổ chức Tỉnh ủy	3.000	3.000			3.000					Ban tổ chức Tỉnh ủy
7	Máy phát điện dùng chung cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh	3.000	3.000			3.000					Văn phòng UBND tỉnh
XI	**Quốc phòng - An ninh**	**219.800**	**214.800**	**60.000**	**112.300**	**42.500**	-		-		
1	Nhà làm việc Sở Chỉ huy A2 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	11.000	11.000			11.000					Bộ chỉ huy QS tỉnh
2	Nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	20.000	45.000		25.000	20.000					Bộ chỉ huy QS tỉnh
3	Các công trình khu vực phòng thủ	20.000	20.000	20.000							Bộ chỉ huy QS tỉnh
4	Các hạng mục hạ tầng Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	15.300	15.300		15.300						Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh
5	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Bình Phước	11.500	11.500			11.500					Công an tỉnh
6	Xây dựng Đồn Công an Khu công nghiệp Minh Hưng III, huyện Chơn Thành	12.500	12.500		12.500						Công an tỉnh

STT	Danh mục dự án	Tổng số Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 (theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 5/7/2019)	Kế hoạch điều chỉnh								Chủ đầu tư
			TỔNG SỐ	Trong đó							
				Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vượt thu 2015 chuyển sang	Tiền thuê đất	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	Nguồn thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước	
7	Xây dựng Đồn Công an Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	13.500	13.500		13.500						Công an tỉnh
8	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	10.000	10.000		10.000						Bộ chỉ huy QS tỉnh
9	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	5.000	5.000		5.000						Bộ chỉ huy QS tỉnh
10	Kho vật chứng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1.000	1.000		1.000						Bộ chỉ huy QS tỉnh
11	Xây dựng trụ sở PCCC&CNCH các huyện, TP	100.000	70.000	40.000	30.000						
11.1	Xây dựng Trụ sở đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Lộc Ninh		25.000	25.000							Công an tỉnh
11.2	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh		30.000		30.000						Công an tỉnh
11.3	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng		15.000	15.000							Công an tỉnh
E	**Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch**	10.000	23.200	23.200							Sở KHĐT

Phụ lục I.1

KẾ HOẠCH TRẢ NỢ VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Năm trả nợ	Số tiền trả nợ	Ghi chú
	Tổng cộng	**406.950**	
1	Năm 2016	120.400	đã trả
2	Năm 2017	116.550	đã trả
3	Năm 2018	92.000	đã trả
4	Năm 2019	47.000	đã trả
5	Năm 2020	31.000	chưa trả

Biểu số II

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
	TỔNG SỐ				**2.972.991**	**115.264**	**3.233.647**	**115.264**	
	Phân bổ chi tiết		**4.810.038**	**4.059.546**	**2.675.692**	**116.964**	**3.223.647**	**115.264**	
A	**Chương trình mục tiêu quốc gia**		**-**	**-**	**434.811**	**-**	**532.856**	**-**	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới				347.940		430.600		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				86.871		102.256		
B	**Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg**						67.931		
C	**Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ**				**10.611**		**11.790**		
D	**Các chương trình mục tiêu**		**3.597.246**	**3.019.684**	**1.546.270**	**116.964**	**1.718.070**	**115.264**	
I	**Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng**		**1.712.518**	**1.373.262**	**844.626**	**-**	**1.016.426**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		***723.597***	***505.462***	***206.626***	**-**	***206.626***	**-**	
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT 759 đoạn từ trung tâm xã Phước Tân huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình huyện Bù Đốp	1840/QĐ-UBND ngày 11/10/2013	363.657	253.000	109.600		109.600		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bộng - Đăng Hà	482/QĐ-UBND ngày 5/3/2010; 1420/QĐ-UBND ngày 27/6/2014	210.000	137.462	5.726		5.726		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn quản	2320/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	63.223	50.000	40.400		40.400		UBND huyện Hớn Quản
4	Đường từ N1 đến bến xe mới huyện Bù Đốp hướng ra tuyến biên giới, huyện Bù Đốp	2322/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	49.909	40.000	30.500		30.500		UBND huyện Bù Đốp
5	Đường ĐH 312 từ xã Phú Riềng đi Phú Trung huyện Bù Gia Mập	3751/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	36.808	25.000	20.400		20.400		UBND huyện Bù Gia Mập
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		**988.921**	**867.800**	**638.000**	**-**	**809.800**	**-**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	Dự án xây dựng đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trảng cỏ Bù Lạch xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	100.000	100.000	90.000		90.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	994/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	80.000	66.000	60.000		60.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 16/5/2017	80.000	77.000	70.000		70.000		UBND huyện Phú Riềng
4	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	1038a/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	77.000	77.000	70.000		70.000		UBND huyện Phú Riềng
5	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (Kết nối ĐT 741 với QL 14)	1593/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	109.921	90.000	80.000		80.000		UBND TX Đồng Xoài
6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với QL 13 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	85/HĐND-KT ngày 13/4/2017	80.000	80.000	72.000		72.000		UBND huyện Lộc Ninh
7	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2152/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	117.000	106.000	106.000		106.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
8	Kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh Bình Phước	1209/QĐ-UBND ngày 18/5/2017	45.000	45.000	40.000		40.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
9	Dự án Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh	2405/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 991/QĐ-UBND ngày 26/4/2017; 2241/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	80.000	55.000	50.000		50.000		UBND huyện Lộc Ninh
10	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	314/HĐND ngày 3/12/2018	220.000	171.800			171.800		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
II	**Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững**		**22.000**	**22.000**	**20.000**	-	**20.000**	-	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		**22.000**	**22.000**	**20.000**	-	**20.000**	-	
1	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	1438/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	22.000	22.000	20.000		20.000		Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
III	**Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư**		**266.972**	**248.600**	**211.932**	-	**211.932**	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		**43.972**	**35.600**	**10.196**	-	**10.196**	-	
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành Trung tâm giống nông lâm nghiệp tỉnh Bình Phước	2358/QĐ-UB ngày 12/10/2010	43.972	35.600	10.196		10.196		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		**223.000**	**213.000**	**201.736**	-	**201.736**	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 24/8/2016; 989/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	110.000	100.000	100.000		100.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng hệ thống kênh tưới cụm công trình thủy lợi huyện Lộc Ninh	1366/QĐ-UBND ngày 13/6/2018	113.000	113.000	101.736		101.736		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
IV	**Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo**		**676.725**	**575.216**	**99.000**	-	**99.000**	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		***676.725***	***575.216***	***99.000***	-	***99.000***	-	
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216	99.000		99.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
V	**Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**		**255.033**	**161.000**	**122.690**	-	**122.690**	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		**145.033**	**51.000**	**21.000**	-	**21.000**	-	
1	Đường và kênh thoát nước tại khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2017	2158a/QĐ-UBND ngày 24/10/2012, 2678/QĐ-UBND ngày 31/12/2012	145.033	51.000	21.000		**21.000**		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		**110.000**	**110.000**	**101.690**	-	**101.690**	-	
1	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	*110.000*	110.000	101.690		101.690		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VI	**Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn**		**45.000**	**44.100**	**40.000**	-	**40.000**	-	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		**45.000**	**44.100**	**40.000**	-	**40.000**	-	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp	63/HĐND-KT ngày 23/3/2017	45.000	44.100	40.000		40.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
VII	**Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm**		**85.528**	**82.000**	**61.000**	-	**61.000**	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		***30.528***	***27.000***	***11.000***	-	***11.000***	-	
1	Đường giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư- Chiu Riu và Lộc Thiện- Tà Nốt) huyện Lộc Ninh, (đoạn 2: Tuyến Lộc Thiện- Tà Nốt)	2338/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	30.528	27.000	11.000		**11.000**		Bộ CHBĐBP
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		**55.000**	**55.000**	**50.000**	-	**50.000**	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	Xây dựng đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắk Ơ, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 990/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	55.000	55.000	50.000		50.000		Bộ CHBĐBP
VIII	**Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương**		**15.693**	**9.500**	**3.500**	**-**	**3.500**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp		**15.693**	**9.500**	**3.500**	**-**	**3.500**	**-**	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập	2277/QĐ-UBND ngày 24/10/2014; 2317/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	15.693	9.500	3.500		3.500		UBND huyện Bù Gia Mập
IX	**Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch**		**68.853**	**55.082**	**26.558**	**-**	**26.558**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp		**68.853**	**55.082**	**26.558**	**-**	**26.558**	**-**	
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông, hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc Khu du lịch và bảo tồn văn hóa dân tộc Stiêng -Sóc Bom Bo	2003/QĐ-UBND ngày 5/9/2011	68.853	55.082	26.558		26.558		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
X	**Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA**				**1.700**	**1.700**	**1.700**		Cty CP cấp thoát nước
XI	**Hoàn trả tạm ứng**		**448.924**	**448.924**	**115.264**	**115.264**	**115.264**	**115.264**	
1	Đường liên xã Ngã 3 Cây Điệp đến sông Mã Đà (ĐT 753) phục vụ cứu hộ cứu nạn các xã phía đông huyện Đồng Phú (đoạn từ ngã 3 Cây điệp đến cầu Cứ)	1512/QĐ-UBND ngày 16/8/2013	97.900	97.900	3.036	3.036	3.036	3.036	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	2055/QĐ-UBND - 09/10/2012	53.766	53.766	7.000	7.000	7.000	7.000	Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
3	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	14/QĐ-UBND ngày 5/01/2010	13.228	13.228	4.000	4.000	4.000	4.000	UBND huyện Bù Đăng
4	Dự án di dời và ổn định dân di cư tự do trong lâm phần Ban QLR phòng hộ Đak Mai	266/QĐ-UBND ngày 02/02/2010	23.103	23.103	5.000	5.000	5.000	5.000	UBND huyện Bù Đăng
5	Tiểu dự án TĐC khu Đa Bông Cua,thuộc DA đầu tư bố trí hợp lý dân cư ở VQG Cát Tiên	2554/QĐ-UBND ngày 11/9/2010; 977/QĐ-UBND ngày10/6/2013	57.817	57.817	6.000	6.000	6.000	6.000	Sở NN&PTNT
6	Khu công nghiệp Chơn Thành (giai đoạn 1)		70.000	70.000	4.506	4.506	4.506	4.506	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án đầu tư sản xuất giống cây ca cao và cao su giai đoạn 2007-2010	736/QĐ-UBND ngày 10/4/2008	9.130	9.130	2.722	2.722	2.722	2.722	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án di dời và ổn định dân di cư tự do trong lâm phần Ban QLR phòng hộ Đak Mai	266/QĐ-UBND ngày 02/02/2010	23.103	23.103	5.000	5.000	5.000	5.000	UBND huyện Bù gia Mập

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
9	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước M26	2694/QĐ-UBND ngày 26	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
10	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Bù Nho - Long Tân	2737/QĐ-UBND ngày 28	14.500	14.500	10.000	10.000	10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
11	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Giai	2277/QĐ-UBND ngày 27/11/2013	26.877	26.877	10.000	10.000	10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
12	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn	2710/QĐ-UBND ngày 27/10/2016.	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
13	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương	2944/QĐ-UBND ngày 16/11/2016.	11.500	11.500	10.000	10.000	10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
14	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn	2947/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
15	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bù Môn	2695/QĐ-UBND ngày 26/10/2016.	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sa Cát	2658/QĐ-UBND ngày 25/10/2016.	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
E	**Vốn trái phiếu Chính phủ**		**800.000**	**760.000**	**684.000**	-	**750.000**	-	
I	**Y tế**		**700.000**	**660.000**	**594.000**	-	**660.000**	-	
1	Dự án nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 lên 600 giường bệnh	2446a/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; 1909/QĐ-UBND ngày 11/9/2019	700.000	660.000	594.000		660.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
II	**Kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học**		**100.000**	**100.000**	**90.000**	-	**90.000**	-	
1	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mần non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 204/QĐ-TTg ngày 1/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ	1373/QĐ-UBND ngày 8/6/2017	100.000	100.000	90.000		90.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
F	**Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW**		**412.792**	**279.862**	-	-	**143.000**	-	
1	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bọng - Đăng Hà	482/QĐ-UBND ngày 5/3/2010; 1420/QĐ-UBND ngày 27/6/2014	210.000	176.862			40.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Xử lý sạt lở đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn Km 16 + 000 - Km21 + 369 đường Sao Bọng - Đăng Hà	1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018; 75/HĐND ngày 13/5/2019	70.000	40.000			40.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Các dự án xử lý cấp bách các công trình hồ chứa nước		20.000	20.000	-	-	20.000	-	
	Bàu Úm	341/QĐ-TTg ngày 28/3/2019	5.000	5.000			5.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 12/12/2017)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
	Đạ Bo	341/QĐ-TTg ngày 28/3/2019	5.000	5.000			5.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
	Suối Phèn	341/QĐ-TTg ngày 28/3/2019	5.000	5.000			5.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
	Bàu Sen	341/QĐ-TTg ngày 28/3/2019	5.000	5.000			5.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
4	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho ĐBDTTS xã Đăk Ơ (hạng mục từ thôn cây da, xã Phú Văn đến thôn Đăk Á xã Bù Gia Mập)	1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018; 1194/QĐ-UBND ngày 6/6/2019	48.000	15.000			15.000		UBND huyện Bù Gia Mập
5	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	2717/QĐ-UBND, 28/10/2016; 1448/QĐ-UBND, 13/6/2017; 1346/QĐ-UBND, 26/6/2019	34.992	10.000			10.000		Chi cục kiểm lâm
6	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	2266a ngày 29/10/2019	29.800	18.000			18.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

Biểu số III

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA) GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định điều chỉnh							Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND 12/12/2017)			Kế hoạch điều chỉnh			Chủ đầu tư
		Số quyết định	TMĐT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn vay	Vốn cấp phát (vốn viện trợ)		Vốn vay	Vốn cấp phát (vốn viện trợ)	
				Vốn trong nước			Vốn nước ngoài								
				Tổng số	Trong đó		Trong đó								
					NSTW	NSĐP	Vốn vay	Vốn cấp phát (vốn viện trợ)							
	TỔNG SỐ								166.596		166.596	342.278	47.453	294.825	
	Phân bổ chi tiết		1.248.083	107.311	50.962	105.177	405.580	1.007.420	149.936	-	149.936	342.278	47.453	294.825	
I	**LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC**		665.549	101.923	50.962	50.962	270.000	563.626	93.493	-	93.493	167.382	-	167.382	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017		665.549	101.923	50.962	50.962	270.000	563.626	93.493	-	93.493	167.382	-	167.382	
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ ngày đêm	2204/QĐ-UBND ngày 06/10/2011	323.934	53.934	26.967	26.967	270.000		-			-			Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước
2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m3/ ngày đêm	440/QĐ-UBND ngày 02/03/2011	341.615	47.989	23.995	23.995		293.626	93.493		93.493	167.382		167.382	Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước
II	**LĨNH VỰC Y TẾ**		5.388	5.388	-			56.443	56.443	-	56.443	56.443	-	56.443	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020														
1	Dự án xử lý chất thải bệnh viên đa khoa thị xã Bình Long	1912/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	1.230	1.230				12.790	12.790		12.790	12.790		12.790	Sở Y tế
2	Dự án xử lý nước thải thải bệnh viên đa khoa tỉnh Bình Phước	1913/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	1.859	1.859				18.765	18.765		18.765	18.765		18.765	Sở Y tế
3	Dự án xử lý chất thải bệnh viên đa khoa thị xã Phước Long	1914/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	1.183	1.183				12.285	12.285		12.285	12.285		12.285	Sở Y tế
4	Dự án xử lý chất thải bệnh viên đa khoa tỉnh Bình Phước	1915/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	1.116	1.116				12.603	12.603		12.603	12.603		12.603	Sở Y tế
III	**GIAO THÔNG**		495.558		-	43.627	135.580	316.351	-	-	-	47.453	47.453	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định điều chỉnh							Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND 12/12/2017)			Kế hoạch điều chỉnh			Chủ đầu tư
		Số quyết định	TMĐT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*											
				Vốn trong nước			Vốn nước ngoài								
				Tổng số	Trong đó		Trong đó			Vốn vay	Vốn cấp phát (vốn viện trợ)		Vốn vay	Vốn cấp phát (vốn viện trợ)	
					NSTW	NSĐP	Vốn vay	Vốn cấp phát (vốn viện trợ)							
	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558			43.627	135.580	316.351				47.453	47.453	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
IV	**CÔNG NGHIỆP**		**70.588**	-	-	**10.588**		**60.000**	-	-	-	**60.000**	-	**60.000**	
	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	2090/QĐ-UBND ngày 05/9/2018	70.588			10.588		60.000				60.000		60.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
V	**GIÁO DỤC**		**11.000**	-	-	-		**11.000**	-	-	-	**11.000**	-	**11.000**	
	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách), tiểu dự án Bình Phước	2891/QĐ-UBND ngày 20/12/2018	11.000					11.000				11.000		11.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh